

Bản án số: 314/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16/3/2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Thành Châu.

2/ Ông Nguyễn Ngọc Hòa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Văn Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 798/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế V, sinh năm 1976;  
Địa chỉ: Đường T1, Phường T2, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Cao Thị T(Cao Thi T), sinh năm 1972.  
Quốc tịch: Hoa Kỳ.  
Địa chỉ: CA 94544, USA.

(Đều có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 19 tháng 01 năm 2017, bản tự khai ngày 19 tháng 4 năm 2017 của nguyên đơn ông Nguyễn Thế V trình bày:

Ông và bà Cao Thị T(Cao Thi T) tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/01/2006. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, bất đồng trong quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn phát sinh và ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng

đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông làm đơn gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị ly hôn với bà Cao Thị T(Cao Thị T) để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Ông Nguyễn Thế V khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thế V khai không có.

Ngày 04/8/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 304/UTTPDS-TA30 để thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ thông báo việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai và thông báo vụ án được đưa ra hòa giải lần thứ nhất vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 11 tháng 4 năm 2018; lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 10 tháng 5 năm 2018 và xét xử lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 08 tháng 6 năm 2018; lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 06 tháng 7 năm 2018 cho bà Cao Thị T(Cao Thị T).

Tại văn bản trình bày ý kiến của bà Cao Thị T(Cao Thị T) đã được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ chứng nhận ngày 17/01/2018 bà Cao Thị T(Cao Thị T) trình bày: Bà và ông Cao Thế V tự nguyện kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 34, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/01/2006. Hiện nay bà nhận được thông tin ông Nguyễn Thế V đã nộp hồ sơ khởi kiện ly hôn và đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đang thụ lý vụ án theo thông báo số 62/TB-TLVA ngày 22/02/2017 thì bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Thế V.

Con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 31/01/2018, ông Nguyễn Thế V có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử của Tòa án.

Tại văn bản trình bày ý kiến của bà Cao Thị T(Cao Thị T) đã được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ chứng nhận ngày 17/01/2018 bà Cao Thị T(Cao Thị T) trình bày: Hiện nay bà đang công tác và sinh sống ở Hoa Kỳ, việc sắp xếp công việc và thời gian để về Việt Nam tham gia phiên tòa gặp rất nhiều khó khăn. Do đó, bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết thủ tục ly hôn với ông Nguyễn Thế V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá

trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử sơ thẩm” tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét ông Nguyễn Thế V và bà Cao Thị T(Cao Thị T) đều có đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Vũ, Cao Thị T(Cao Thị T) theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, bị đơn bà Cao Thị T(Cao Thị T) đang cư ngụ hợp pháp tại Hoa Kỳ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thế V nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy đăng ký kết hôn số 34, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/01/2006 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thế V và bà Cao Thị T(Cao Thị T) là hôn nhân hợp pháp.

Ông Nguyễn Thế V khai trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, bà Cao Thị T(Cao Thị T) sinh sống ở Hoa Kỳ còn ông Vũ thì sống ở Việt Nam, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà Cao Thị T(Cao Thị T) cũng đồng ý ly hôn với ông Vũ. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau. Nay ông Nguyễn Thế V và bà Cao Thị T(Cao Thị T) mỗi người sống mỗi quốc gia, khả năng hàn gắn là không thể thực hiện, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của ông Nguyễn Thế V ly hôn bà Cao Thị T(Cao Thị T) là có cơ sở để chấp nhận.

Con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có.

[4] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Ông Nguyễn Thế V phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Về chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Thế V phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, ông Vũ đã nộp đủ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thế V.

Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thế V được ly hôn với bà Cao Thị T(Cao Thị T).

Giấy đăng ký kết hôn số 34, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/01/2006 không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

2/ Án phí, chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Thế V phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0033521 ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Về chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Thế V phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, ông Vũ đã nộp đủ.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày ông Nguyễn Thế V nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với bà

Cao Thị T(Cao Thi T) thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phan Thị Minh Nguyệt**